

Mẫu số 01

HỘ GIA ĐÌNH
NGUYỄN THÀNH TRUNGCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 09 năm 2026

THÔNG BÁO

Phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ
có đấu nối với hệ thống điện quốc gia của hộ gia đình

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Phường Điện Bàn

Căn cứ Nghị định số 58/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 243/2026/NĐ-CP.

Hộ gia đình **Nguyễn Thành Trung** thông báo lắp đặt nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia tại cấp điện áp hạ áp gồm các nội dung sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin về tổ chức/cá nhân:

- a) Tên: Nguyễn Thành Trung
b) Số định danh cá nhân/CCCD (đối với cá nhân): 049083002072
Mã số doanh nghiệp (đối với tổ chức):
c) Địa chỉ: Tổ dân phố Bồng Lai, Phường Điện Bàn, Tp Đà Nẵng.
d) Số điện thoại: 0905277068
đ) Email (nếu có): ntlienhoaphat@gmail.com
e) Mã số khách hàng sử dụng điện: PC05II0947623

2. Vị trí lắp đặt: Tổ dân phố Bồng Lai, Phường Điện Bàn, Tp Đà Nẵng.

3. Thông tin mô tả sơ bộ về công trình xây dựng:

- a) Kết cấu: Bê tông cốt thép/Khung thép/...; mái bê tông/mái tôn/: Mái tôn
b) Chiều cao công trình: 15 mét
c) Diện tích mái: 70 m²

4. Công suất lắp đặt:

- Tổng công suất tấm quang điện (kWp): 12,4
- Tổng sản lượng điện lưu trữ tại hệ thống lưu trữ điện (nếu có, kWh): 16,076
- Tổng công suất định mức của các bộ chuyển đổi nghịch lưu - inverter (kW): 10

5. Phương án xử lý sản lượng điện dư (*đánh dấu X vào phương án chọn*):

	Đồng ý bán sản lượng điện dư và thỏa thuận với Bên mua điện dư về trách nhiệm đầu tư, lắp đặt công tơ đo đếm điện năng và kết nối với hệ thống thu thập dữ liệu từ xa của đơn vị điện lực, bảo đảm thiết bị phù hợp với quy định của pháp luật.
X	Không bán sản lượng điện dư và chịu trách nhiệm kiểm định về an toàn điện, tuân thủ quy định về quản lý, vận hành công trình điện và các quy định về điều kiện kỹ thuật, nghiệm thu an toàn theo quy định.

6. Thời gian dự kiến lắp đặt và thời gian hoàn thành: Từ ngày 19/09/2026 đến ngày 22/09/2026.

II. CAM KẾT

Hộ gia đình **Nguyễn Thành Trung** cam kết thực hiện xây dựng, lắp đặt, vận hành nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ như sau:

- Bảo đảm an toàn công trình, phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường trước và trong quá trình lắp đặt nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ;
- Sử dụng, lắp đặt các thiết bị phục vụ phát điện bảo đảm tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định pháp luật. Không nhập khẩu các tấm quang điện, thiết bị chuyển đổi điện một chiều thành điện xoay chiều đã qua sử dụng;
- Thực hiện đúng tiến độ đã đăng ký phát triển tại điểm 6 Mục I nêu trên;
- Bảo đảm an toàn xây dựng, an toàn môi trường, phòng cháy và chữa cháy trong quá trình vận hành;
- Không vi phạm các quy định trong quá trình phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ.

III. ĐỀ NGHỊ

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 58/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 243/2026/NĐ-CP, tôi/chúng tôi đề nghị các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước hướng dẫn thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng, phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường; đề nghị đơn vị điện lực

quản lý lưới điện hướng dẫn công tác lắp đặt, đấu nối kỹ thuật điện nhằm bảo đảm an toàn điện trong quá trình vận hành.

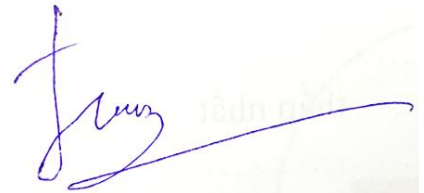
Ý kiến hướng dẫn đề nghị gửi dưới dạng thông điệp dữ liệu theo quy định pháp luật về giao dịch điện tử hoặc gửi thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia theo mã hồ sơ điện tử của Thông báo, đồng thời thông báo theo thông tin liên hệ ghi tại Mục I của Thông báo này để kịp thời triển khai lắp đặt nguồn điện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
THÔNG BÁO**

(Ký, ghi rõ họ tên)

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Trung', is written over a faint, circular official stamp. The signature is fluid and extends to the right.

NGUYỄN THÀNH TRUNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

CĂN CƯỚC CÔNG DÂN
Citizen Identity Card 



Số / No.: **049083002072**
Họ và tên / Full name: **NGUYỄN THÀNH TRUNG**
Ngày sinh / Date of birth: **21/06/1983**
Giới tính / Sex: **Nam** Quốc tịch / Nationality: **Việt Nam**
Quê quán / Place of origin: **Điện Minh, Điện Bàn, Quảng Nam**
Nơi thường trú / Place of residence: **Quảng Hậu Đông**
Điện Nam Trung, Điện Bàn, Quảng Nam

Có giá trị đến: **21/06/2043**
Date of expiry



Đặc điểm nhân dạng / Personal identification:
Seo chấm C 1 cm sau đuôi mắt
trái
Ngày, tháng, năm / Date, month, year: **16/10/2023**

CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT
QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI
DIRECTOR GENERAL OF THE POLICE DEPARTMENT
FOR ADMINISTRATIVE MANAGEMENT OF SOCIAL ORDER





Ngón trỏ trái
Left index finger

Ngón trỏ phải
Right index finger

Nguyễn Quốc Hùng

IDVNM0830020722049083002072<<3
8306214M4306216VNM<<<<<<<<<<8
NGUYEN<<THANH<TRUNG<<<<<<<<<<<

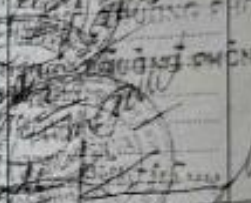
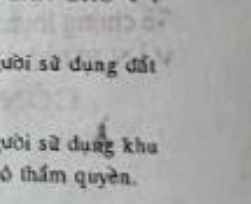
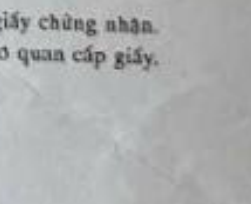
BẢN SAO



**GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

S6C 804436

NHỮNG THAY ĐỔI SAU KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Ngày tháng năm	Số và nội dung quyết định	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
18.01.06	Hợp đồng thuê cấp Tài sản Số 007/06.DS/LH, Nguyễn Thành Chiến thuê cấp thuê đất số 243/LH.DS 3 diện tích 500m ² Vay 15.000.000,0 do ông Nguyễn Phúc Như Phê giao dịch. Điện báo chuyển khoản Ngân hàng (Ngân hàng Việt Á)	 Trưởng ban Nguyễn Văn...
22.5.07	Hợp đồng thuê cấp Tài sản Số 007/07.DS/LH, Nguyễn Thành Chiến thuê cấp thuê đất số 243/LH.DS 3 diện tích 500m ² Vay 15.000.000,0 do ông Nguyễn Phúc Như Phê giao dịch. Điện báo chuyển khoản Ngân hàng (Ngân hàng Việt Á)	 Trưởng ban Nguyễn Văn...
22.5.07	Hợp đồng thuê cấp Tài sản Số 007/07.DS/LH, Nguyễn Thành Chiến thuê cấp thuê đất số 243/LH.DS 3 diện tích 500m ² Vay 15.000.000,0 do ông Nguyễn Phúc Như Phê giao dịch. Điện báo chuyển khoản Ngân hàng (Ngân hàng Việt Á)	 Trưởng ban Nguyễn Văn...
18.6.07	Hợp đồng thuê cấp Tài sản Số 007/07.DS/LH, Nguyễn Thành Chiến thuê cấp thuê đất số 243/LH.DS 3 diện tích 500m ² Vay 15.000.000,0 do ông Nguyễn Phúc Như Phê giao dịch. Điện báo chuyển khoản Ngân hàng (Ngân hàng Việt Á)	 Trưởng ban Nguyễn Văn...
18.6.07	Hợp đồng thuê cấp Tài sản Số 007/07.DS/LH, Nguyễn Thành Chiến thuê cấp thuê đất số 243/LH.DS 3 diện tích 500m ² Vay 15.000.000,0 do ông Nguyễn Phúc Như Phê giao dịch. Điện báo chuyển khoản Ngân hàng (Ngân hàng Việt Á)	 Trưởng ban Nguyễn Văn...
24.12.08	Hợp đồng thuê cấp Tài sản Số 007/08.DS/LH, Nguyễn Thành Chiến thuê cấp thuê đất số 243/LH.DS 3 diện tích 500m ² Vay 15.000.000,0 do ông Nguyễn Phúc Như Phê giao dịch. Điện báo chuyển khoản Ngân hàng (Ngân hàng Việt Á)	 Trưởng ban Nguyễn Văn...
24.12.08	Hợp đồng thuê cấp Tài sản Số 007/08.DS/LH, Nguyễn Thành Chiến thuê cấp thuê đất số 243/LH.DS 3 diện tích 500m ² Vay 15.000.000,0 do ông Nguyễn Phúc Như Phê giao dịch. Điện báo chuyển khoản Ngân hàng (Ngân hàng Việt Á)	 Trưởng ban Nguyễn Văn...

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHỮ Ý :

- 1- Phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và được hưởng các quyền lợi của người sử dụng đất theo các điều 24,26,45,48,49 Luật đất đai.
- 2- Khi có thay đổi về hình thể, quy mô sử dụng, mục đích sử dụng và người sử dụng khu đất, phải mang giấy chứng nhận này đến đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 3- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ một nội dung nào trong giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc làm hư hỏng giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.

06.03.2013

19.9.2013

04.6.2015

4.6.2015

02/7/2016

Đã xem xét chấp thuận hồ sơ
đăng ký số 851
Thủ tục quyền sử dụng đất
tại xã Quảng Hòa, tỉnh Lào Cai
số 1 huyện DB - Cty TNHH MTV
NN & PTN VN - Công ty TNHH
theo hồ sơ đăng ký số 8351

Xác nhận đúng theo hồ sơ đăng ký
03/01/2013 theo hồ sơ đăng ký
00533-XC. 330. 04. 6. 2015.

Hồ sơ chấp hành quyền sử dụng
đất và tài sản. Sản phẩm liên
số 01/01/2015 tại huyện
Lào Cai - Lào Cai - Lào
Nam - PCTD huyện Bắc
hồ sơ đăng ký số 205937
4.6.2015

Xác nhận đúng theo hồ sơ đăng ký 04/6/2015
theo hồ sơ XC. 693. 04. 05. 2015
Thủ tục chấp hành quyền sử dụng đất
tại xã Quảng Hòa, tỉnh Lào Cai
số 1 huyện DB - Cty TNHH MTV
NN & PTN VN - Công ty TNHH
theo hồ sơ đăng ký số 8351

**CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày **03-07-2018**

Số chứng thực: **124854-02** SCBBS
**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐIỆN BÀN
CÔNG CHỨNG VIÊN**



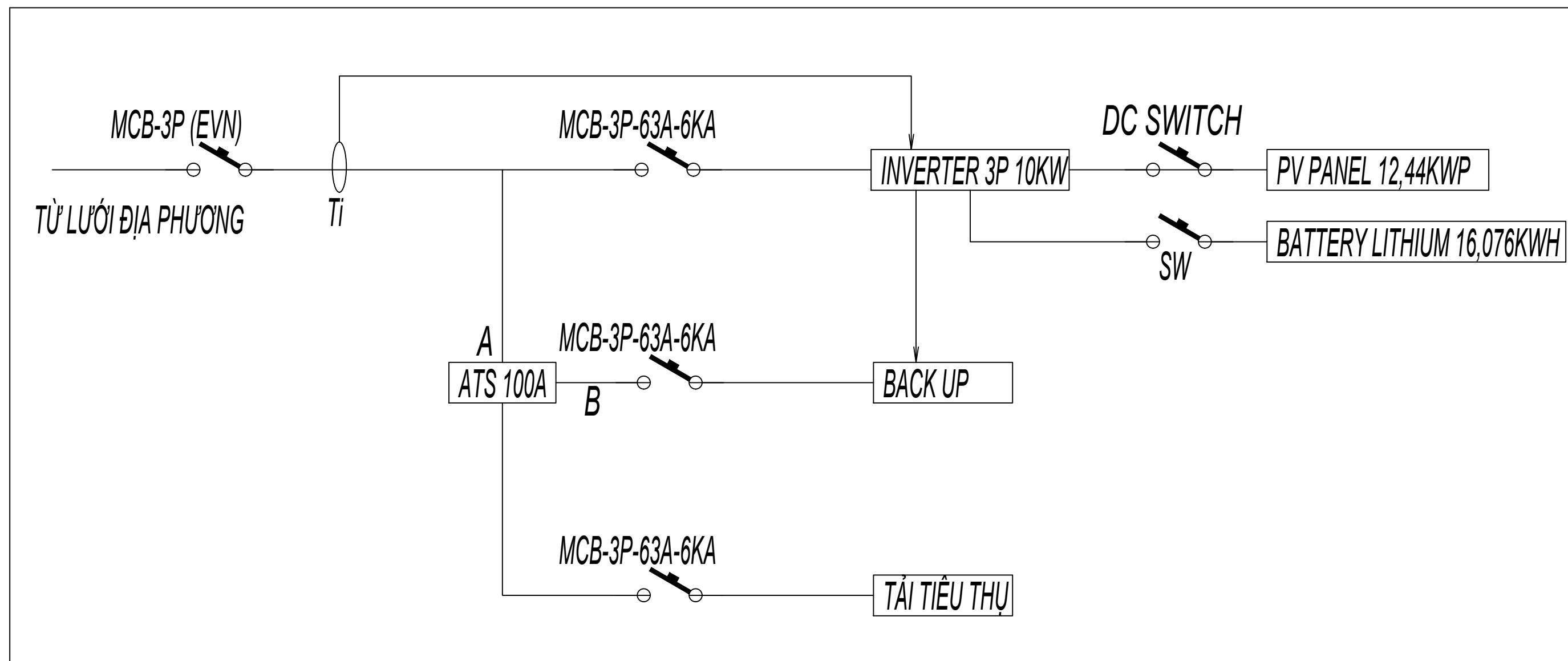
Nguyễn Phước Dũng

Phạm Đức
Hàng ngày
SỞ ĐỒNG ĐẤT

Nguyễn Thanh Vỹ
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Vỹ
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Thị Anh Huyền
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI HOÀ LƯỚI 12,4 KWP, LƯU TRỮ 16,076 KWH
KHÁCH HÀNG : NGUYỄN THÀNH TRUNG



No. 57 Jintong Road,
Binhai (Sea front) Industrial Park,
Xiangshan, Ningbo, Zhejiang, 315712, P.R.China
Tel: (+86) 574 5900 0069 Hotline: (+66) 099 050 5595
E-Mail: info@Ginlong.com

CERTIFICATE OF ORIGINAL QUANTITY AND QUALITY

TO WHOM IT MAY CONCERN,

We, **Ginlong Technologies Co., Ltd.**, who are the reputable manufacturer of **Solis PV Inverters**, guarantee that all the products detailed below with Solis inverter materials correspond in all aspect of the quality, specification and performance.

This document certifies that these products dispatched have been fully functional tested and inspected in accordance with the conditions and requirements of solar PV inverter.

Name of products: Solar PV Inverter

Buyer: Nhat Minh Technical Services and trading investment Company Limited

PO Number: 04052026VMHVNMINV_PI

Invoice Number: 04052026VMHVNMINV

Products Number	Products SN Number	Quantity (PCS)
S6-EH1P10K-L-PLUS(21A)	1031970265111209 1031970267140536 1031970267150197 1031970267150161 1031970267150152 1031970265111229	6
S6-EH1P12K03-NV-YD-L	1031270267100227 1031270267100115 1031270267100075 1031270267100223 1031270266270708 1031270267100203 1031270266270606 1031270267100169 1031270267100321 1031270267100324 1031270267100317 1031270267100323 1031270267100319 1031270267100196 1031270267100322 1031270267100239 1031270266270593 1031270266270602 1031270266270599 1031270266261381 1031270266261396 1031270266270574 1031270266300416 1031270266300354 1031270266261317 1031270266300344 1031270266300351 1031270266300309	40



	1031270267130057 1031270266210331 1031270266270088 1031270266270559 1031270266261123 1031270266261117 1031270266261445 1031270266261332 1031270266300355 1031270267140025 1031270266261441 1031270266261282	
S6-EH1P6K-L-PLUS	1031731266212105 1031731266212122 1031731266212316 1031731266212334 1031731266211976 1031731266212116 1031731266212117 1031731266212128 1031731266212244 1031731266211778 1031731266212118 1031731266212243 1031731266211828 1031731266212087 1031731266211829 1031731266212079 1031731266212078 1031731266212025 1031731266211817 1031731266211836 1031731266212073 1031731266211825 1031731266212049 1031731266212082 1031731266211982 1031731266212124 1031731266211741 1031731266211742 1031731266212007 1031731266212019 1031731266212076 1031731266212092 1031731266212248 1031731266211979 1031731266212263 1031731266212276 1031731266212234 1031731266212241 1031731266211823 1031731266212229 1031731266211845 1031731266211688 1031731266212059 1031731266211755 1031731266211912 1031731266212215 1031731266212224 1031731266212219 1031731266211874 1031731266211899 1031731266211897 1031731266211901 1031731266211937 1031731266211924 1031731266211923 1031731266211873 1031731266211925 1031731266211927 1031731266211929 1031731266211931 1031731266211918 1031731266211909	156



1031731266211902
1031731266211904
1031731266211922
1031731266211913
1031731266211926
1031731266212031
1031731266211671
1031731266211699
1031731266211855
1031731266211916
1031731266212064
1031731266212034
1031731266212072
1031731266212081
1031731266212094
1031731266212301
1031731266212005
1031731266212039
1031731266212289
1031731266212295
1031731266212296
1031731266212056
1031731266211841
1031731266211701
1031731266211858
1031731266211697
1031731266211847
1031731266211872
1031731266211844
1031731266211842
1031731266211732
1031731266211852
1031731266211853
1031731266211867
1031731266211878
1031731266211706
1031731266211886
1031731266211721
1031731266211928
1031731266211882
1031731266211846
1031731266211938
1031731266211856
1031731266211881
1031731266211893
1031731266211932
1031731266212261
1031731266211776
1031731266212186
1031731266211777
1031731266212095
1031731266212287
1031731266212281
1031731266212293
1031731266212127
1031731266211738
1031731266212268
1031731266212278
1031731266211833
1031731266211975
1031731266212327
1031731266212084
1031731266211675
1031731266211788
1031731266211973
1031731266211813
1031731266211915
1031731266212022
1031731266212077
1031731266212312
1031731266211692
1031731266211767
1031731266211694
1031731266211753



	1031731266211769 1031731266211773 1031731266211789 1031731266211781 1031731266211768 1031731266211771 1031731266211772 1031731266211783 1031731266211687 1031731266211698 1031731266211709 1031731266211849 1031731266211851 1031731266211857 1031731266211868 1031731266211888 1031731266211757 1031731266211839 1031731266211854 1031731266211864	
S6-EHIP8K-L-PLUS	1031261266180406 1031261266180453 1031261266180213 1031261266180412 1031261266180389 1031261266180417 1031261266180268 1031261266180408 1031261266180428 1031261266180104 1031261266180411 1031261266180655 1031261266170031 1031261266170248 1031261266170624 1031261266170048 1031261266170027 1031261266180238 1031261266170033 1031261266170024 1031261266170044 1031261266170058 1031261266170244 1031261266170261 1031261266180139 1031261266180181 1031261266180143 1031261266180419 1031261266180439 1031261266180447 1031261266180448 1031261266180169 1031261266180434 1031261266180442 1031261266180454 1031261266180446 1031261266180327 1031261266180334 1031261266180306 1031261266180317 1031261266180335 1031261266180249 1031261266180347 1031261266180323 1031261266180332 1031261266180337 1031261266180247 1031261266180333 1031261266180136 1031261266180619 1031261266180096 1031261266180119 1031261266180607 1031261266180621	84



	1031261266180127 1031261266180231 1031261266180061 1031261266180641 1031261266180131 1031261266180603 1031261266160347 1031261266171886 1031261266180076 1031261266160353 1031261266171393 1031261266170466 1031261266171623 1031261266180463 1031261266160345 1031261266171866 1031261266170471 1031261266171797 1031261266170089 1031261266170163 1031261266170383 1031261266170599 1031261266170091 1031261266170382 1031261266170385 1031261266170194 1031261266170389 1031261266170392 1031261266170393 1031261266170394	
S6-EH3P10K02-NV-YD-L	1033300267250198 1033300267250193 1033300267250188 1033300266230017 1033300267160202 1033300266230043 1033300267160213 1033300267160208	8
S6-EH3P12K02-NV-YD-L	1033310267130018 1033310267130019 1033310267130361 1033310267130057 1033310267130466 1033310267130459 1033310267130204 1033310267130215 1033310267130326 1033310267130108 1033310267130064 1033310267130394 1033310267130105 1033310267130319 1033310267130067 1033310267130119 1033310267130036 1033310267130157 1033310267130038 1033310267130468 1033310267130277 1033310267130104 1033310267130052 1033310267130223 1033310267130098 1033310267130114 1033310267130338 1033310267130083 1033310267130054 1033310267130378 1033310267130004 1033310267130095 1033310267130164 1033310267130167	34



S6-EH3P15K02-NV-YD-L	1033320267120026 1033320267120002 1033320267120098 1033320267120075 1033320267120061 1033320267110125 1033320267120045 1033320267110142 1033320267120123 1033320267120055 1033320267140025 1033320267140146 1033320267130038 1033320267140093 1033320267220075 1033320267140117	16
S6-EH3P18K02-NV-YD-L	1033350267140149 1033350267140048 1033350267140155 1033350267140034 1033350267140185 1033350267140316	6
S6-EH3P20K-H	1033161267300141 1033161268020073	2
S6-EH3P50K-H	105305A265180005 105305A265180028	2

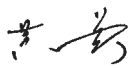
Thank you

For Ginlong Technologies Co., Ltd.



263110007011869

263110007011869

1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country) *****			Reference No. E267782441880147 ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM E Issued in <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u> (Country) See Overleaf Notes		
2. Products consigned to (Consignee's name, address, country) *****					
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date Vessel's name / Aircraft etc. Port of Discharge *****			4. For Official Use Verification: origin.customs.gov.cn ☐ Preferential Treatment Given ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) ----- Signature of Authorised Signatory of the Importing Party		
5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of Invoices
10	VMHVN-1100006622	ONE (1) PALLET OF S6-EH3P50K-H 50KW HYBRID INVERTER HS CODE: 8504.40 *** **	"PSR"	2PIECES	
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in CHINA (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to VIET NAM (Importing Country) 锦浪科技股份有限公司 Ningbo, China, AUG. 18, 2026 GINLONG TECHNOLOGIES CO., LTD. Place and date, signature of authorised signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.    2631000328124 Ningbo, China, AUG. 18, 2026 Place and date, signature and stamp of certifying authority		
13. ☒ Issued Retroactively ☐ Movement Certificate ☐ Exhibition ☐ Third Party Invoicing					



组件成品出货检验报告 Product Shipment Inspection Certificate				
NO.LR11202603090002				
客户信息 Customer Information	SUNRISE DANA SOLAR COMPANY LIMITED	产品名称 Product Name	光伏组件 Photovoltaic modules	
产品型号 Product Mode	LR8-66HGD-620M	产品规格(mm) Dimension(mm)		
标称功率(W) Nominal Power(W)	620	数量(块) Quantity(pcs)	1440	
检验项目 Inspection Items	检验标准(或技术要求) Inspection Criteria	检验结果 Test Result		
外观质量 Appearance Quality	组件外观检验标准 PV module appearance inspection standard	OK		
组件尺寸 PV module Dimension		OK		
功率测试 Power Test	组件功率及电流分档规定 PV module power and current rating requirements	OK		
绝缘耐压测试 Dielectric strength	执行标准IEC61215:2021	OK		
EL 检测 Electro Luminescence	组件EL检测标准 PV module Electro Luminescence standards	OK		
包装 PV module Package	组件包装装箱手册 PV module packing manual	OK		
检验结论 Conclusion	产品经检验合格, 符合标准要求, 准予出厂 ALL above products meet the quality requirements,Granted the factory			
产品质量合格证 Product Certificate of Quality				
根据隆基乐叶光伏科技有限公司的质量相关要求, 隆基乐叶光伏组件产品特征经检验符合以下标准: According to quality requirements of LONGi Solar Technology Co.,Ltd. after inspection LONGi PV module's features conform below criteria:				
序号 No.	产品规格 (mm) Dimension (mm)	产品外观 Appearance	电性能 Electrical Performance	各项指标 Test Indexes
1		合格 Accept	合格 Accept	合格 Accept
特此证明以上隆基乐叶光伏科技有限公司供应的产品满足质量要求。 WE HEREBY CERTIFY THAT:All above products supplied by LONGi Solar Technology Co.,Ltd. meet the quality requirements.				

隆基乐叶光伏科技有限公司
LONGi Solar Technology Co., Ltd.
日期 (Date): 2026-02-08

Original

1.Products consigned from (Exporter's business name,address,country) LONGI SOLAR TECHNOLOGY CO., LTD NO.8369 SHANGYUAN ROAD, ECO-INDUSTRIAL PARK, ECONOMIC AND TECHNOLOGICAL DEVELOPMENT ZONE, XI'AN, CHINA TEL:+86 29-89693186 +86 158 2925 4102			Serial No.: CCPIT81002260000629 Reference No.: 02261418100000956 ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM E  Issued in THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA (Country) See Overleaf Notes		
2.Products consigned to (Consignee's name,address,country) SUNRISE DANA SOLAR COMPANY LIMITED 03 PHAN LANG 17 STREET, THANH KHE WARD, DA NANG CITY, VIETNAM			4.For Official Use ☐ Preferential Treatment Given ☐ Preferential Treatment Not Given(Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Party		
3.Means of transport and route (as far as known) FROM SHANGHAI CHINA TO DANANG VIET NAM BY SEA Departure date MAR.03,2026 Vessel's name / Aircraft etc. WAN HAI 296 S054 Port of Discharge DANANG VIET NAM					
5.Item number	6. Marks and numbers on packages	7.Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8.Origin criteria (see Overleaf Notes)	9.Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10.Number, date of Invoices
1	N/M	FORTY (40) PALLETS OF MONO SOLAR MODULE HS Code:854143 ***	PE	1440 PIECES	LS-DANA-20260204-1 FEB.04,2026
11.Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in CHINA (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to VIET NAM (Importing Country) XI'AN,CHINA MAR.03,2026 Place and date,signature of authorized signatory			12.Certification It is hereby certified,on the basis of control carried out,that the declaration by the exporter is correct.  ADDRESS:XINCHENG NEI,XI'AN,SHAANXI FAX:029-63917611 TEL:029-87460993 XI'AN,CHINA MAR.04,2026 Place and date,signature and stamp of certifying authority		
13. ☐ Issued Retroactively ☐ Exhibition ☐ Movement Certificate ☒ Third Party Invoicing					

OVERLEAF NOTES

1. Parties which accept this form for the purpose of preferential treatment under the ASEAN-China Free Trade Area (ACFTA):

BRUNEI DARUSSALAM	CAMBODIA	CHINA
INDONESIA	LAOS	MALAYSIA
MYANMAR	PHILIPPINES	SINGAPORE
THAILAND	VIETNAM	
2. CONDITIONS: The main conditions for admission to the preferential treatment under the ACFTA are that products sent to any Parties listed above:
 - (i) must fall within a description of products eligible for concessions in the country of destination;
 - (ii) must comply with all relevant provisions of Annex 1 (Rules of Origin) of the Protocol to Amend the Framework Agreement on Comprehensive Economic Co-operation and Certain Agreements thereunder between the Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) and the People's Republic of China (ACFTA Upgrading Protocol).
3. ORIGIN CRITERIA: For each good described in Box 7 of this form, the origin criteria met should be indicated in Box 8, in the manner shown in the following table:

Circumstances of production or manufacture in the first country named in Box 11 of this form	Insert in Box 8
(a) Goods wholly produced or obtained satisfying subparagraph (a) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	WO
(b) Goods produced in a Party exclusively from originating materials from one or more of the Parties satisfying subparagraph (b) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PE
(c) Goods produced from non-originating materials in a Party, satisfying paragraph 1 of Article 4 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	
- Regional Value Content	Actual percentage of ACFTA value content, example "40%"
- Change in Tariff Classification at the four-digit level	CTH
(d) Goods satisfying the Product Specific Rules (PSR) in Attachment B of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PSR

4. EACH ARTICLE MUST QUALIFY: It should be noted that all the products in a consignment must qualify separately in their own right. This is of particular relevance when similar articles of different sizes or spare parts are sent.
5. DESCRIPTION OF PRODUCTS: The description of products in Box 7 must be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them.
6. The Harmonised System number of the importing party in Box 7 (six digit code) shall be determined according to the International Convention on the Harmonized Commodity Description and Coding System and subsequent amendments thereto.
7. The term "Exporter" in Box 1 and 11 may include the manufacturer or the producer. In the case of Movement Certificate (MC), the term "Exporter" also includes the exporter in the intermediate Party. For China, a Chinese manufacturer can apply for a Certificate of Origin (Form E) in the case where the manufacturer needs to authorise other agencies to export on its behalf. In this case, the manufacturer can make the declaration indicated in Box 11 and shall state the name and address of the exporter in Box 7.
8. FOR OFFICIAL USE: The Customs Authority of the importing Party must indicate (✓) in the relevant boxes in column 4 whether or not preferential treatment is accorded.
9. MOVEMENT CERTIFICATE: In cases of Movement Certificate, in accordance with Rule 12 of Attachment A of the Rules of Origin of the ACFTA Upgrading Protocol (Operational Certification Procedures): (i) "Movement Certificate" in Box 13 should be ticked (✓); (ii) the indicated value in Box 9 shall be the invoice value of the products exported from the intermediate Party. The indicated value in Box 9 is only required when the RVC criterion is applied; (iii) The name of the original Issuing Authorities of the Party, date of the issuance and the reference number of the original Certificate of Origin (Form E) to be indicated in Box 7.
10. THIRD PARTY INVOICING: In cases where invoices are issued by a third country, "the Third Party Invoicing" in Box 13 shall be ticked (✓). The invoice number shall be indicated in Box 10. Information such as name and country of the company issuing the invoice shall be indicated in Box 7.
11. EXHIBITIONS: In cases where products are sent from the exporting Party for exhibition in another Party and sold during or after the exhibition for importation into a Party, in accordance with Rule 22 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA, the "Exhibitions" in Box 13 should be ticked (✓) and the name and address of the exhibition indicated in Box 2.
12. ISSUED RETROACTIVELY: In exceptional cases, due to involuntary errors or omissions or other valid causes, the Certificate of Origin (Form E) may be issued retroactively in accordance with Rule 11 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA. The "Issued Retroactively" in Box 13 shall be ticked (✓) electronically or typewritten together with other information in the Certificate of Origin (Form E). In cases where the "Issued Retroactively" in Box 13 cannot be ticked electronically or typewritten, the Certificate of Origin (Form E) shall be stamped with the words "ISSUED RETROACTIVELY".

Duplicate

1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country) LONGI SOLAR TECHNOLOGY CO., LTD NO.8369 SHANGYUAN ROAD, ECO-INDUSTRIAL PARK, ECONOMIC AND TECHNOLOGICAL DEVELOPMENT ZONE, XI'AN, CHINA TEL:+86 29-89693186 +86 158 2925 4102			Serial No.: CCPIT81002260000629 Reference No.: 02261418100000956 ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM E  Issued in <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u> (Country) See Overleaf Notes		
2. Products consigned to (Consignee's name, address, country) SUNRISE DANA SOLAR COMPANY LIMITED 03 PHAN LANG 17 STREET, THANH KHE WARD, DA NANG CITY, VIETNAM			4. For Official Use ☐ Preferential Treatment Given ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Party		
3. Means of transport and route (as far as known) FROM SHANGHAI CHINA TO DANANG VIET NAM BY SEA Departure date MAR.03,2026 Vessel's name / Aircraft etc. WAN HAI 296 S054 Port of Discharge DANANG VIET NAM					
5. Item number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of Invoices
1	N/M	FORTY (40) PALLETS OF MONO SOLAR MODULE HS Code:854143 ***	PE	1440 PIECES	LS-DANA- 20260204-1 FEB.04,2026
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in <u>CHINA</u> (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to <u>VIET NAM</u> (Importing Country) <u>XI'AN, CHINA</u> <u>MAR.03,2026</u> Place and date, signature of authorized signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.  ADDRESS: XINCHENG NEI, XI'AN, SHAANXI FAX: 029-63917611 TEL: 029-87460993 <u>XI'AN, CHINA MAR.04,2026</u> Place and date, signature and stamp of certifying authority		
13. ☐ Issued Retroactively ☐ Exhibition ☐ Movement Certificate ☒ Third Party Invoicing					

OVERLEAF NOTES

1. Parties which accept this form for the purpose of preferential treatment under the ASEAN-China Free Trade Area (ACFTA):

BRUNEI DARUSSALAM	CAMBODIA	CHINA
INDONESIA	LAOS	MALAYSIA
MYANMAR	PHILIPPINES	SINGAPORE
THAILAND	VIETNAM	
2. CONDITIONS: The main conditions for admission to the preferential treatment under the ACFTA are that products sent to any Parties listed above:
 - (i) must fall within a description of products eligible for concessions in the country of destination;
 - (ii) must comply with all relevant provisions of Annex 1 (Rules of Origin) of the Protocol to Amend the Framework Agreement on Comprehensive Economic Co-operation and Certain Agreements thereunder between the Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) and the People's Republic of China (ACFTA Upgrading Protocol).
3. ORIGIN CRITERIA: For each good described in Box 7 of this form, the origin criteria met should be indicated in Box 8, in the manner shown in the following table:

Circumstances of production or manufacture in the first country named in Box 11 of this form	Insert in Box 8
(a) Goods wholly produced or obtained satisfying subparagraph (a) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	WO
(b) Goods produced in a Party exclusively from originating materials from one or more of the Parties satisfying subparagraph (b) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PE
(c) Goods produced from non-originating materials in a Party, satisfying paragraph 1 of Article 4 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	
- Regional Value Content	Actual percentage of ACFTA value content, example "40%"
- Change in Tariff Classification at the four-digit level	CTH
(d) Goods satisfying the Product Specific Rules (PSR) in Attachment B of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PSR

4. EACH ARTICLE MUST QUALIFY: It should be noted that all the products in a consignment must qualify separately in their own right. This is of particular relevance when similar articles of different sizes or spare parts are sent.
5. DESCRIPTION OF PRODUCTS: The description of products in Box 7 must be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them.
6. The Harmonised System number of the importing party in Box 7 (six digit code) shall be determined according to the International Convention on the Harmonized Commodity Description and Coding System and subsequent amendments thereto.
7. The term "Exporter" in Box 1 and 11 may include the manufacturer or the producer. In the case of Movement Certificate (MC), the term "Exporter" also includes the exporter in the intermediate Party. For China, a Chinese manufacturer can apply for a Certificate of Origin (Form E) in the case where the manufacturer needs to authorise other agencies to export on its behalf. In this case, the manufacturer can make the declaration indicated in Box 11 and shall state the name and address of the exporter in Box 7.
8. FOR OFFICIAL USE: The Customs Authority of the importing Party must indicate (✓) in the relevant boxes in column 4 whether or not preferential treatment is accorded.
9. MOVEMENT CERTIFICATE: In cases of Movement Certificate, in accordance with Rule 12 of Attachment A of the Rules of Origin of the ACFTA Upgrading Protocol (Operational Certification Procedures): (i) "Movement Certificate" in Box 13 should be ticked (✓); (ii) the indicated value in Box 9 shall be the invoice value of the products exported from the intermediate Party. The indicated value in Box 9 is only required when the RVC criterion is applied; (iii) The name of the original Issuing Authorities of the Party, date of the issuance and the reference number of the original Certificate of Origin (Form E) to be indicated in Box 7.
10. THIRD PARTY INVOICING: In cases where invoices are issued by a third country, "the Third Party Invoicing" in Box 13 shall be ticked (✓). The invoice number shall be indicated in Box 10. Information such as name and country of the company issuing the invoice shall be indicated in Box 7.
11. EXHIBITIONS: In cases where products are sent from the exporting Party for exhibition in another Party and sold during or after the exhibition for importation into a Party, in accordance with Rule 22 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA, the "Exhibitions" in Box 13 should be ticked (✓) and the name and address of the exhibition indicated in Box 2.
12. ISSUED RETROACTIVELY: In exceptional cases, due to involuntary errors or omissions or other valid causes, the Certificate of Origin (Form E) may be issued retroactively in accordance with Rule 11 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA. The "Issued Retroactively" in Box 13 shall be ticked (✓) electronically or typewritten together with other information in the Certificate of Origin (Form E). In cases where the "Issued Retroactively" in Box 13 cannot be ticked electronically or typewritten, the Certificate of Origin (Form E) shall be stamped with the words "ISSUED RETROACTIVELY".

Triplicate

1.Products consigned from (Exporter's business name,address,country) LONGI SOLAR TECHNOLOGY CO., LTD NO.8369 SHANGYUAN ROAD, ECO-INDUSTRIAL PARK, ECONOMIC AND TECHNOLOGICAL DEVELOPMENT ZONE, XI'AN, CHINA TEL:+86 29-89693186 +86 158 2925 4102			Serial No.: CCPIT81002260000629 Reference No.: 02261418100000956 ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM E  Certificate of Origin Accredited Chamber of Commerce CN1300101 THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA (Country) See Overleaf Notes 		
2.Products consigned to (Consignee's name,address,country) SUNRISE DANA SOLAR COMPANY LIMITED 03 PHAN LANG 17 STREET, THANH KHE WARD, DA NANG CITY, VIETNAM			4.For Official Use ☐ Preferential Treatment Given ☐ Preferential Treatment Not Given(Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Party		
3.Means of transport and route (as far as known) FROM SHANGHAI CHINA TO DANANG VIET NAM BY SEA Departure date MAR.03,2026 Vessel's name / Aircraft etc. WAN HAI 296 S054 Port of Discharge DANANG VIET NAM					
5.Item number	6. Marks and numbers on packages	7.Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8.Origin criteria (see Overleaf Notes)	9.Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10.Number, date of Invoices
1	N/M	FORTY (40) PALLETS OF MONO SOLAR MODULE HS Code:854143 ***	PE	1440 PIECES	LS-DANA-20260204-1 FEB.04,2026
11.Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in CHINA ----- (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to VIET NAM ----- (Importing Country) XI'AN,CHINA MAR.03,2026 ----- Place and date,signature of authorized signatory			12.Certification It is hereby certified,on the basis of control carried out,that the declaration by the exporter is correct.  ADDRESS: XINCHENG NEI, XI'AN, SHAANXI FAX: 029-63917611 TEL: 029-87460993 XI'AN, CHINA MAR.04,2026 ----- Place and date,signature and stamp of certifying authority 惠 菜		
13. ☐ Issued Retroactively ☐ Exhibition ☐ Movement Certificate ☒ Third Party Invoicing					

OVERLEAF NOTES

1. Parties which accept this form for the purpose of preferential treatment under the ASEAN-China Free Trade Area (ACFTA):

BRUNEI DARUSSALAM	CAMBODIA	CHINA
INDONESIA	LAOS	MALAYSIA
MYANMAR	PHILIPPINES	SINGAPORE
THAILAND	VIETNAM	
2. CONDITIONS: The main conditions for admission to the preferential treatment under the ACFTA are that products sent to any Parties listed above:
 - (i) must fall within a description of products eligible for concessions in the country of destination;
 - (ii) must comply with all relevant provisions of Annex 1 (Rules of Origin) of the Protocol to Amend the Framework Agreement on Comprehensive Economic Co-operation and Certain Agreements thereunder between the Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) and the People's Republic of China (ACFTA Upgrading Protocol).
3. ORIGIN CRITERIA: For each good described in Box 7 of this form, the origin criteria met should be indicated in Box 8, in the manner shown in the following table:

Circumstances of production or manufacture in the first country named in Box 11 of this form	Insert in Box 8
(a) Goods wholly produced or obtained satisfying subparagraph (a) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	WO
(b) Goods produced in a Party exclusively from originating materials from one or more of the Parties satisfying subparagraph (b) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PE
(c) Goods produced from non-originating materials in a Party, satisfying paragraph 1 of Article 4 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	
- Regional Value Content	Actual percentage of ACFTA value content, example "40%"
- Change in Tariff Classification at the four-digit level	CTH
(d) Goods satisfying the Product Specific Rules (PSR) in Attachment B of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PSR

4. EACH ARTICLE MUST QUALIFY: It should be noted that all the products in a consignment must qualify separately in their own right. This is of particular relevance when similar articles of different sizes or spare parts are sent.
5. DESCRIPTION OF PRODUCTS: The description of products in Box 7 must be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them.
6. The Harmonised System number of the importing party in Box 7 (six digit code) shall be determined according to the International Convention on the Harmonized Commodity Description and Coding System and subsequent amendments thereto.
7. The term "Exporter" in Box 1 and 11 may include the manufacturer or the producer. In the case of Movement Certificate (MC), the term "Exporter" also includes the exporter in the intermediate Party. For China, a Chinese manufacturer can apply for a Certificate of Origin (Form E) in the case where the manufacturer needs to authorise other agencies to export on its behalf. In this case, the manufacturer can make the declaration indicated in Box 11 and shall state the name and address of the exporter in Box 7.
8. FOR OFFICIAL USE: The Customs Authority of the importing Party must indicate (✓) in the relevant boxes in column 4 whether or not preferential treatment is accorded.
9. MOVEMENT CERTIFICATE: In cases of Movement Certificate, in accordance with Rule 12 of Attachment A of the Rules of Origin of the ACFTA Upgrading Protocol (Operational Certification Procedures): (i) "Movement Certificate" in Box 13 should be ticked (✓); (ii) the indicated value in Box 9 shall be the invoice value of the products exported from the intermediate Party. The indicated value in Box 9 is only required when the RVC criterion is applied; (iii) The name of the original Issuing Authorities of the Party, date of the issuance and the reference number of the original Certificate of Origin (Form E) to be indicated in Box 7.
10. THIRD PARTY INVOICING: In cases where invoices are issued by a third country, "the Third Party Invoicing" in Box 13 shall be ticked (✓). The invoice number shall be indicated in Box 10. Information such as name and country of the company issuing the invoice shall be indicated in Box 7.
11. EXHIBITIONS: In cases where products are sent from the exporting Party for exhibition in another Party and sold during or after the exhibition for importation into a Party, in accordance with Rule 22 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA, the "Exhibitions" in Box 13 should be ticked (✓) and the name and address of the exhibition indicated in Box 2.
12. ISSUED RETROACTIVELY: In exceptional cases, due to involuntary errors or omissions or other valid causes, the Certificate of Origin (Form E) may be issued retroactively in accordance with Rule 11 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA. The "Issued Retroactively" in Box 13 shall be ticked (✓) electronically or typewritten together with other information in the Certificate of Origin (Form E). In cases where the "Issued Retroactively" in Box 13 cannot be ticked electronically or typewritten, the Certificate of Origin (Form E) shall be stamped with the words "ISSUED RETROACTIVELY".

Original

1.Products consigned from (Exporter's business name,address,country) XI'AN DYNES DIGITAL ENERGY TECHNOLOGY CO., LTD ROOM 10001, BUILDING C, PHASE I, XI'AN NATIONAL DIGITAL PUBLISHING BASE, NO. 996, TIANGU 7TH ROAD, HIGH-TECH ZONE, XI'AN, CHINA			Serial No.: CCPIT92002260002112 Reference No.: 02261419200002081 ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM E  Issued in <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u> (Country) See Overleaf Notes		
2.Products consigned to (Consignee's name,address,country) NHAT MINH TECHNICAL SERVICES AND TRADING INVESTMENT COMPANY LIMITED NO. 6-A4 AREA B TAP THE DAI HOC MO DIA CHAT, DONG NGAC WARD, HANOI CITY, VIETNAM			4.For Official Use ☐ Preferential Treatment Given ☐ Preferential Treatment Not Given(Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Party		
3.Means of transport and route (as far as known) FROM SHANGHAI CHINA TO HAIPHONG VIET NAM BY SEA Departure date MAY.22,2026 Vessel's name / Aircraft etc. ZHONG GU DI ZHONG HAI 619S Port of Discharge HAIPHONG VIET NAM					
5.Item number	6. Marks and numbers on packages	7.Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8.Origin criteria (see Overleaf Notes)	9.Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10.Number, date of Invoices
1		ONE HUNDRED AND TWENTY SEVEN (127) PACKAGES OF RECHARGEABLE LI-ION BATTERY POWERBRICK SC HS Code:850760	PE	127 PIECES G.WEIGHT 17272 KGS	AME-VN-20260407001 APR.07,2026
2		SIXTY FIVE (65) PACKAGES OF RECHARGEABLE LI-ION BATTERY S51280 HS Code:850760	PE	65 PIECES G.WEIGHT 7995 KGS	
3		FOURTEEN (14) PACKAGES OF STACK 280 BATTERY DISTRIBUTION UNIT CONTROLLER SBDO200 HS Code:853710 TOTAL: TWO HUNDRED AND SIX(206) PACKAGES ONLY ***	PE	14 PIECES G.WEIGHT 378 KGS	
DYNES INVOICE NO. AME-VN-20260407001					
11.Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in CHINA (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the AFTA for the products exported to VIETNAM (Importing Country) XI'AN,CHINA MAY.25,2026 Place and date,signature of authorized signatory			12.Certification It is hereby certified,on the basis of control carried out,that the declaration by the exporter is correct.  ADDRESS:8/E,Kerry Building,100,166 Mingguang Rd.,Weiyang,Xi'an,China FAX:029-87222276 TEL:029-81887279/86785219 XI'AN,CHINA MAY.25,2026 Place and date,signature and stamp of certifying authority		
13. ☒ Issued Retroactively ☐ Exhibition ☐ Movement Certificate ☐ Third Party Invoicing					

OVERLEAF NOTES

1. Parties which accept this form for the purpose of preferential treatment under the ASEAN-China Free Trade Area (ACFTA):

BRUNEI DARUSSALAM	CAMBODIA	CHINA
INDONESIA	LAOS	MALAYSIA
MYANMAR	PHILIPPINES	SINGAPORE
THAILAND	VIETNAM	
2. CONDITIONS: The main conditions for admission to the preferential treatment under the ACFTA are that products sent to any Parties listed above:
 - (i) must fall within a description of products eligible for concessions in the country of destination;
 - (ii) must comply with all relevant provisions of Annex 1 (Rules of Origin) of the Protocol to Amend the Framework Agreement on Comprehensive Economic Co-operation and Certain Agreements thereunder between the Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) and the People's Republic of China (ACFTA Upgrading Protocol).
3. ORIGIN CRITERIA: For each good described in Box 7 of this form, the origin criteria met should be indicated in Box 8, in the manner shown in the following table:

Circumstances of production or manufacture in the first country named in Box 11 of this form	Insert in Box 8
(a) Goods wholly produced or obtained satisfying subparagraph (a) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	WO
(b) Goods produced in a Party exclusively from originating materials from one or more of the Parties satisfying subparagraph (b) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PE
(c) Goods produced from non-originating materials in a Party, satisfying paragraph 1 of Article 4 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	
- Regional Value Content	Actual percentage of ACFTA value content, example "40%"
- Change in Tariff Classification at the four-digit level	CTH
(d) Goods satisfying the Product Specific Rules (PSR) in Attachment B of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PSR

4. EACH ARTICLE MUST QUALIFY: It should be noted that all the products in a consignment must qualify separately in their own right. This is of particular relevance when similar articles of different sizes or spare parts are sent.
5. DESCRIPTION OF PRODUCTS: The description of products in Box 7 must be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them.
6. The Harmonised System number of the importing party in Box 7 (six digit code) shall be determined according to the International Convention on the Harmonized Commodity Description and Coding System and subsequent amendments thereto.
7. The term "Exporter" in Box 1 and 11 may include the manufacturer or the producer. In the case of Movement Certificate (MC), the term "Exporter" also includes the exporter in the intermediate Party. For China, a Chinese manufacturer can apply for a Certificate of Origin (Form E) in the case where the manufacturer needs to authorise other agencies to export on its behalf. In this case, the manufacturer can make the declaration indicated in Box 11 and shall state the name and address of the exporter in Box 7.
8. FOR OFFICIAL USE: The Customs Authority of the importing Party must indicate (✓) in the relevant boxes in column 4 whether or not preferential treatment is accorded.
9. MOVEMENT CERTIFICATE: In cases of Movement Certificate, in accordance with Rule 12 of Attachment A of the Rules of Origin of the ACFTA Upgrading Protocol (Operational Certification Procedures): (i) "Movement Certificate" in Box 13 should be ticked (✓); (ii) the indicated value in Box 9 shall be the invoice value of the products exported from the intermediate Party. The indicated value in Box 9 is only required when the RVC criterion is applied; (iii) The name of the original Issuing Authorities of the Party, date of the issuance and the reference number of the original Certificate of Origin (Form E) to be indicated in Box 7.
10. THIRD PARTY INVOICING: In cases where invoices are issued by a third country, "the Third Party Invoicing" in Box 13 shall be ticked (✓). The invoice number shall be indicated in Box 10. Information such as name and country of the company issuing the invoice shall be indicated in Box 7.
11. EXHIBITIONS: In cases where products are sent from the exporting Party for exhibition in another Party and sold during or after the exhibition for importation into a Party, in accordance with Rule 22 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA, the "Exhibitions" in Box 13 should be ticked (✓) and the name and address of the exhibition indicated in Box 2.
12. ISSUED RETROACTIVELY: In exceptional cases, due to involuntary errors or omissions or other valid causes, the Certificate of Origin (Form E) may be issued retroactively in accordance with Rule 11 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA. The "Issued Retroactively" in Box 13 shall be ticked (✓) electronically or typewritten together with other information in the Certificate of Origin (Form E). In cases where the "Issued Retroactively" in Box 13 cannot be ticked electronically or typewritten, the Certificate of Origin (Form E) shall be stamped with the words "ISSUED RETROACTIVELY".

Duplicate

1.Products consigned from (Exporter's business name,address,country) XI'AN DYNES DIGITAL ENERGY TECHNOLOGY CO., LTD ROOM 10001, BUILDING C, PHASE I, XI'AN NATIONAL DIGITAL PUBLISHING BASE, NO. 996, TIANGU 7TH ROAD, HIGH-TECH ZONE, XI'AN, CHINA			Serial No.: CCPIT92002260002112 Reference No.: 02261419200002081 ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM E  Issued in <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u> (Country) See Overleaf Notes		
2.Products consigned to (Consignee's name,address,country) NHAT MINH TECHNICAL SERVICES AND TRADING INVESTMENT COMPANY LIMITED NO. 6-A4 AREA B TAP THE DAI HOC MO DIA CHAT, DONG NGAC WARD, HANOI CITY, VIETNAM			4.For Official Use ☐ Preferential Treatment Given ☐ Preferential Treatment Not Given(Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Party		
3.Means of transport and route (as far as known) FROM SHANGHAI CHINA TO HAIPHONG VIET NAM BY SEA Departure date MAY.22,2026 Vessel's name / Aircraft etc. ZHONG GU DI ZHONG HAI 619S Port of Discharge HAIPHONG VIET NAM					
5.Item number	6. Marks and numbers on packages	7.Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8.Origin criteria (see Overleaf Notes)	9.Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10.Number, date of Invoices
1		ONE HUNDRED AND TWENTY SEVEN (127) PACKAGES OF RECHARGEABLE LI-ION BATTERY POWERBRICK SC HS Code:850760	PE	127 PIECES G.WEIGHT 17272 KGS	AME-VN-20260407001 APR.07,2026
2		SIXTY FIVE (65) PACKAGES OF RECHARGEABLE LI-ION BATTERY S51280 HS Code:850760	PE	65 PIECES G.WEIGHT 7995 KGS	
3		FOURTEEN (14) PACKAGES OF STACK 280 BATTERY DISTRIBUTION UNIT CONTROLLER SBDO200 HS Code:853710 TOTAL: TWO HUNDRED AND SIX(206) PACKAGES ONLY ***	PE	14 PIECES G.WEIGHT 378 KGS	
DYNES INVOICE NO. AME-VN-20260407001					
11.Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in CHINA (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the AFTA for the products exported to VIETNAM (Importing Country) XI'AN, CHINA MAY.25,2026 Place and date,signature of authorized signatory			12.Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.  ADDRESS: 8/E, Kerry Building, No.166 Mingguang Rd., Weiyang, Xi'an, China FAX: 029-87222276 TEL: 029-81887279/86785219 XI'AN, CHINA MAY.25,2026 Place and date,signature and stamp of certifying authority		
13. ☒ Issued Retroactively ☐ Exhibition ☐ Movement Certificate ☐ Third Party Invoicing					

OVERLEAF NOTES

1. Parties which accept this form for the purpose of preferential treatment under the ASEAN-China Free Trade Area (ACFTA):

BRUNEI DARUSSALAM	CAMBODIA	CHINA
INDONESIA	LAOS	MALAYSIA
MYANMAR	PHILIPPINES	SINGAPORE
THAILAND	VIETNAM	
2. CONDITIONS: The main conditions for admission to the preferential treatment under the ACFTA are that products sent to any Parties listed above:
 - (i) must fall within a description of products eligible for concessions in the country of destination;
 - (ii) must comply with all relevant provisions of Annex 1 (Rules of Origin) of the Protocol to Amend the Framework Agreement on Comprehensive Economic Co-operation and Certain Agreements thereunder between the Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) and the People's Republic of China (ACFTA Upgrading Protocol).
3. ORIGIN CRITERIA: For each good described in Box 7 of this form, the origin criteria met should be indicated in Box 8, in the manner shown in the following table:

Circumstances of production or manufacture in the first country named in Box 11 of this form	Insert in Box 8
(a) Goods wholly produced or obtained satisfying subparagraph (a) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	WO
(b) Goods produced in a Party exclusively from originating materials from one or more of the Parties satisfying subparagraph (b) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PE
(c) Goods produced from non-originating materials in a Party, satisfying paragraph 1 of Article 4 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	
- Regional Value Content	Actual percentage of ACFTA value content, example "40%"
- Change in Tariff Classification at the four-digit level	CTH
(d) Goods satisfying the Product Specific Rules (PSR) in Attachment B of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PSR

4. EACH ARTICLE MUST QUALIFY: It should be noted that all the products in a consignment must qualify separately in their own right. This is of particular relevance when similar articles of different sizes or spare parts are sent.
5. DESCRIPTION OF PRODUCTS: The description of products in Box 7 must be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them.
6. The Harmonised System number of the importing party in Box 7 (six digit code) shall be determined according to the International Convention on the Harmonized Commodity Description and Coding System and subsequent amendments thereto.
7. The term "Exporter" in Box 1 and 11 may include the manufacturer or the producer. In the case of Movement Certificate (MC), the term "Exporter" also includes the exporter in the intermediate Party. For China, a Chinese manufacturer can apply for a Certificate of Origin (Form E) in the case where the manufacturer needs to authorise other agencies to export on its behalf. In this case, the manufacturer can make the declaration indicated in Box 11 and shall state the name and address of the exporter in Box 7.
8. FOR OFFICIAL USE: The Customs Authority of the importing Party must indicate (✓) in the relevant boxes in column 4 whether or not preferential treatment is accorded.
9. MOVEMENT CERTIFICATE: In cases of Movement Certificate, in accordance with Rule 12 of Attachment A of the Rules of Origin of the ACFTA Upgrading Protocol (Operational Certification Procedures): (i) "Movement Certificate" in Box 13 should be ticked (✓); (ii) the indicated value in Box 9 shall be the invoice value of the products exported from the intermediate Party. The indicated value in Box 9 is only required when the RVC criterion is applied; (iii) The name of the original Issuing Authorities of the Party, date of the issuance and the reference number of the original Certificate of Origin (Form E) to be indicated in Box 7.
10. THIRD PARTY INVOICING: In cases where invoices are issued by a third country, "the Third Party Invoicing" in Box 13 shall be ticked (✓). The invoice number shall be indicated in Box 10. Information such as name and country of the company issuing the invoice shall be indicated in Box 7.
11. EXHIBITIONS: In cases where products are sent from the exporting Party for exhibition in another Party and sold during or after the exhibition for importation into a Party, in accordance with Rule 22 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA, the "Exhibitions" in Box 13 should be ticked (✓) and the name and address of the exhibition indicated in Box 2.
12. ISSUED RETROACTIVELY: In exceptional cases, due to involuntary errors or omissions or other valid causes, the Certificate of Origin (Form E) may be issued retroactively in accordance with Rule 11 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA. The "Issued Retroactively" in Box 13 shall be ticked (✓) electronically or typewritten together with other information in the Certificate of Origin (Form E). In cases where the "Issued Retroactively" in Box 13 cannot be ticked electronically or typewritten, the Certificate of Origin (Form E) shall be stamped with the words "ISSUED RETROACTIVELY".

Triplicate

1.Products consigned from (Exporter's business name,address,country) XI'AN DYNES DIGITAL ENERGY TECHNOLOGY CO., LTD ROOM 10001, BUILDING C, PHASE I, XI'AN NATIONAL DIGITAL PUBLISHING BASE, NO. 996, TIANGU 7TH ROAD, HIGH-TECH ZONE, XI'AN, CHINA			Serial No.: CCPIT92002260002112 Reference No.: 02261419200002081 ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM E  Issued in THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA (Country) See Overleaf Notes		
2.Products consigned to (Consignee's name,address,country) NHAT MINH TECHNICAL SERVICES AND TRADING INVESTMENT COMPANY LIMITED NO. 6-A4 AREA B TAP THE DAI HOC MO DIA CHAT, DONG NGAC WARD, HANOI CITY, VIETNAM			4.For Official Use ☐ Preferential Treatment Given ☐ Preferential Treatment Not Given(Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Party		
3.Means of transport and route (as far as known) FROM SHANGHAI CHINA TO HAIPHONG VIET NAM BY SEA Departure date MAY.22,2026 Vessel's name / Aircraft etc. ZHONG GU DI ZHONG HAI 619S Port of Discharge HAIPHONG VIET NAM					
5.Item number	6. Marks and numbers on packages	7.Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8.Origin criteria (see Overleaf Notes)	9.Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10.Number, date of Invoices
1		ONE HUNDRED AND TWENTY SEVEN (127) PACKAGES OF RECHARGEABLE LI-ION BATTERY POWERBRICK SC HS Code:850760	PE	127 PIECES G.WEIGHT 17272 KGS	AME-VN-20260407001 APR.07,2026
2		SIXTY FIVE (65) PACKAGES OF RECHARGEABLE LI-ION BATTERY S51280 HS Code:850760	PE	65 PIECES G.WEIGHT 7995 KGS	
3		FOURTEEN (14) PACKAGES OF STACK 280 BATTERY DISTRIBUTION UNIT CONTROLLER SBDO200 HS Code:853710 TOTAL: TWO HUNDRED AND SIX(206) PACKAGES ONLY ***	PE	14 PIECES G.WEIGHT 378 KGS	
DYNES INVOICE NO. AME-VN-20260407001					
11.Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in CHINA (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the AFTA for the products exported to VIETNAM (Importing Country) XI'AN,CHINA MAY.25,2026 Place and date,signature of authorized signatory			12.Certification It is hereby certified,on the basis of control carried out,that the declaration by the exporter is correct.  ADDRESS:8/E,Kerry Building,100,166 Mingguang Rd.,Weiyang,Xi'an,China FAX:029-87222276 TEL:029-81887279/86785219 XI'AN,CHINA MAY.25,2026 Place and date,signature and stamp of certifying authority		
13. ☒ Issued Retroactively ☐ Exhibition ☐ Movement Certificate ☐ Third Party Invoicing					

OVERLEAF NOTES

1. Parties which accept this form for the purpose of preferential treatment under the ASEAN-China Free Trade Area (ACFTA):

BRUNEI DARUSSALAM	CAMBODIA	CHINA
INDONESIA	LAOS	MALAYSIA
MYANMAR	PHILIPPINES	SINGAPORE
THAILAND	VIETNAM	
2. CONDITIONS: The main conditions for admission to the preferential treatment under the ACFTA are that products sent to any Parties listed above:
 - (i) must fall within a description of products eligible for concessions in the country of destination;
 - (ii) must comply with all relevant provisions of Annex 1 (Rules of Origin) of the Protocol to Amend the Framework Agreement on Comprehensive Economic Co-operation and Certain Agreements thereunder between the Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) and the People's Republic of China (ACFTA Upgrading Protocol).
3. ORIGIN CRITERIA: For each good described in Box 7 of this form, the origin criteria met should be indicated in Box 8, in the manner shown in the following table:

Circumstances of production or manufacture in the first country named in Box 11 of this form	Insert in Box 8
(a) Goods wholly produced or obtained satisfying subparagraph (a) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	WO
(b) Goods produced in a Party exclusively from originating materials from one or more of the Parties satisfying subparagraph (b) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PE
(c) Goods produced from non-originating materials in a Party, satisfying paragraph 1 of Article 4 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	
- Regional Value Content	Actual percentage of ACFTA value content, example "40%"
- Change in Tariff Classification at the four-digit level	CTH
(d) Goods satisfying the Product Specific Rules (PSR) in Attachment B of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PSR

4. EACH ARTICLE MUST QUALIFY: It should be noted that all the products in a consignment must qualify separately in their own right. This is of particular relevance when similar articles of different sizes or spare parts are sent.
5. DESCRIPTION OF PRODUCTS: The description of products in Box 7 must be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them.
6. The Harmonised System number of the importing party in Box 7 (six digit code) shall be determined according to the International Convention on the Harmonized Commodity Description and Coding System and subsequent amendments thereto.
7. The term "Exporter" in Box 1 and 11 may include the manufacturer or the producer. In the case of Movement Certificate (MC), the term "Exporter" also includes the exporter in the intermediate Party. For China, a Chinese manufacturer can apply for a Certificate of Origin (Form E) in the case where the manufacturer needs to authorise other agencies to export on its behalf. In this case, the manufacturer can make the declaration indicated in Box 11 and shall state the name and address of the exporter in Box 7.
8. FOR OFFICIAL USE: The Customs Authority of the importing Party must indicate (✓) in the relevant boxes in column 4 whether or not preferential treatment is accorded.
9. MOVEMENT CERTIFICATE: In cases of Movement Certificate, in accordance with Rule 12 of Attachment A of the Rules of Origin of the ACFTA Upgrading Protocol (Operational Certification Procedures): (i) "Movement Certificate" in Box 13 should be ticked (✓); (ii) the indicated value in Box 9 shall be the invoice value of the products exported from the intermediate Party. The indicated value in Box 9 is only required when the RVC criterion is applied; (iii) The name of the original Issuing Authorities of the Party, date of the issuance and the reference number of the original Certificate of Origin (Form E) to be indicated in Box 7.
10. THIRD PARTY INVOICING: In cases where invoices are issued by a third country, "the Third Party Invoicing" in Box 13 shall be ticked (✓). The invoice number shall be indicated in Box 10. Information such as name and country of the company issuing the invoice shall be indicated in Box 7.
11. EXHIBITIONS: In cases where products are sent from the exporting Party for exhibition in another Party and sold during or after the exhibition for importation into a Party, in accordance with Rule 22 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA, the "Exhibitions" in Box 13 should be ticked (✓) and the name and address of the exhibition indicated in Box 2.
12. ISSUED RETROACTIVELY: In exceptional cases, due to involuntary errors or omissions or other valid causes, the Certificate of Origin (Form E) may be issued retroactively in accordance with Rule 11 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA. The "Issued Retroactively" in Box 13 shall be ticked (✓) electronically or typewritten together with other information in the Certificate of Origin (Form E). In cases where the "Issued Retroactively" in Box 13 cannot be ticked electronically or typewritten, the Certificate of Origin (Form E) shall be stamped with the words "ISSUED RETROACTIVELY".

产品质量检验报告

产品名称	Power BrickSC	规格型号	51V314Ah	数量	127
订单号	AKE-VN-2026040701		发货地区	越南	
软件版本	1011261693		硬件版本	V2.1	
检验方案	GB/T2828.1-2012 正常检查一次抽样方案 IL=II				
产品标准	GB/T36276-2023 电力储能用锂离子电池				
检验项目	检验标准	检测值			检验结果
外观	外观整洁, 无变形, 无划伤	符合技术标准			合格
标识	符合工艺文件要求	符合技术标准			合格
充放电接口极性	符合工艺图纸要求	符合技术标准			合格
过放电保护	符合企业标准	符合技术标准			合格
充电保护	符合企业标准	符合技术标准			合格
管理系统功能 (除温度精度)	符合企业标准	符合技术标准			合格
电池一致性	符合企业标准	符合技术标准			合格
尺寸	1000mm*490mm*405mm ±3mm	符合技术标准			合格
重量	≤115kg	114.2-114.4kg			合格
绝缘值	> 500MΩ	500.2-500.6MΩ			合格
放电容量	≥314Ah	315.2-315.6Ah			合格
出厂容量	30+3%SOC	31.2-31.4%			合格
单体电压	> 3.2V	3.3V			合格
压差	< 15mv	8mv-9mv			合格
电压	≥51V	51.2-51.6V			合格
检验结论:	本产品经检验合格, 准予出厂。				
检验员	李慧红	QC	检验日期	26.4.21	
审核人	王XX	PASS	审核日期	26.4.21	

Product Quality Inspection Report

Product name	Power BrickSC	Specification model	51V314Ah	Quantity	127 Set(s)
Order NO.	AME-VN-2026060701		Ship address	VN	
Software version	1011261693		Hardware version	v2/8	
Inspection	GB/T2828.1-2012 Normal check one Sampling scheme IL= II				
Product	GB/T36276-2023				
Inspection items	Inspection standard	Measured values		Result	
Outside	Neat in appearance, no deformation, no scratch	Meet the technical standard		ok	
Mark	Technical document requirements	Meet the technical standard		ok	
Charge and discharge interface polarity	Technical document requirements	Meet the technical standard		ok	
Over discharge protection	Corporate standards	Meet the technical standard		ok	
Charge protection	Corporate standards	Meet the technical standard		ok	
Functions of BMS	Corporate standards	Meet the technical standard		ok	
Consistency of the battery	Corporate standards	Meet the technical standard		ok	
Size	1000mm*490mm*405mm ±3mm	Meet the technical standard		ok	
Weight	≤115kg	114.2 - 114.4kg		ok	
Insulation value	>500MΩ	500.2 - 500.6MΩ		ok	
Discharge capacity	≥314Ah	315.2 - 315.6Ah		ok	
Factory capacity	30+3%SOC	31.2 - 31.4%		ok	
Single cell	>3.2V	3.3V		ok	
Dropout voltage	<15mv	8mv - 9mv		ok	
Voltage	≥51V	51.2 - 51.4V		ok	
Inspection conclusion:					
This product has been tested and proved to be qualified for delivery.					
Surveyor	Anna Li	Date	26.4.21		
Auditor		Date	26.4.21		

订单号: AME-VN-20260407001

产品型号: PowerBrick SC

产品数量: 127pcs

箱号	产品 ID	箱号	产品 ID	箱号	产品 ID
33--1	0454603822604200291	33--12	0454603822604200271	33--23	0454603822604200257
	0454603822604200288		0454603822604200274		0454603822604200249
	0454603822604200216		0454603822604200211		0454603822604200260
	0454603822604200196		0454603822604200245		0454603822604200214
33--2	0454603822604200210	33--13	0454603822604200236	33--24	0454603822604200213
	0454603822604200286		0454603822604200247		0454603822604200253
	0454603822604200279		0454603822604200237		0454603822604200251
	0454603822604200282		0454603822604200224		0454603822604200267
33--3	0454603822604200296	33--14	0454603822604200207	33--25	0454603822604200256
	0454603822604200297		0454603822604200240		0454603822604200246
	0454603822604200197		0454603822604200225		0454603822604200200
	0454603822604200289		0454603822604200278		0454603822604200220
33--4	0454603822604200298	33--15	0454603822604200239	33--26	0454603822604200261
	0454603822604200299		0454603822604200222		0454603822604200205
	0454603822604200219		0454603822604200218		0454603822604200238
	0454603822604200229		0454603822604200276		0454603822604200206
33--5	0454603822604200199	33--16	0454603822604200209	33--27	0454603822604200259
	0454603822604200217		0454603822604200281		0454603822604200255
	0454603822604200295		0454603822604200302		0454603822604200315
	0454603822604200215		0454603822604200208		0454603822604200203
33--6	0454603822604200283	33--17	0454603822604200273	33--28	0454603822604200254
	0454603822604200287		0454603822604200272		0454603822604200313
	0454603822604200308		0454603822604200265		0454603822604200242
	0454603822604200194		0454603822604200228		0454603822604200312
33--7	0454603822604200284	33--18	0454603822604200223	33--29	0454603822604200241
	0454603822604200285		0454603822604200310		0454603822604200266
	0454603822604200198		0454603822604200195		0454603822604200192
	0454603822604200212		0454603822604200317		0454603822604200201
33--8	0454603822604200280	33--19	0454603822604200293	33--30	0454603822604200231
	0454603822604200275		0454603822604200304		0454603822604200233
	0454603822604200270		0454603822604200204	33--31	0454603822604200243
	0454603822604200268		0454603822604200232		0454603822604200202
33--9	0454603822604200193	33--20	0454603822604200234		0454603822604200316
	0454603822604200301		0454603822604200235	33--32	0454603822604200314
	0454603822604200309		0454603822604200258		0454603822604200263
	0454603822604200227		0454603822604200300		0454603822604200262
33--10	0454603822604200226	33--21	0454603822604200248	33--33	0454603822604200274
	0454603822604200294		0454603822604200221		0454603822604200318
	0454603822604200269		0454603822604200250		0454603822604200264
	0454603822604200277		0454603822604200230		
33--11	0454603822604200290	33--22	0454603822604200305		
	0454603822604200292		0454603822604200252		
	0454603822604200307		0454603822604200306		
	0454603822604200311		0454603822604200303		



产品质量检验报告

产品名称	S51280	规格型号	51V280Ah	数量	65
订单号	AME-VN-20260407001		发货地区	越南	
检验方案	GB/T2828.1-2012 正常检查一次抽样方案 IL=II				
产品标准	GB/T36276-2023 电力储能用锂离子电池				
检验项目	检验标准	检测值			检验结果
外观	外观整洁, 无变形, 无划伤	符合技术标准			合格
标识	符合工艺文件要求	符合技术标准			合格
充放电接口极性	符合工艺图纸要求	符合技术标准			合格
过放电保护	符合企业标准	符合技术标准			合格
充电保护	符合企业标准	符合技术标准			合格
管理系统功能 (除温度精度)	符合企业标准	符合技术标准			合格
电池一致性	符合企业标准	符合技术标准			合格
尺寸	850mm*505mm*416mm ±3mm	符合技术标准			合格
重量	≤110kg	109.2-109.4kg			合格
绝缘值	> 500MΩ	500.2-500.4MΩ			合格
放电容量	≥280Ah	281.2-281.4Ah			合格
出厂容量	30+3%SOC	31.2-31.4%			合格
单体电压	> 3.2V	3.3V			合格
压差	< 15mv	8mv-9mv			合格
电压	≥51V	51.2-51.4V			合格
检验结论: 本产品经检验合格, 准予出厂。					
检验员	李慧红	检验日期	26.4.23		
审核人	陈如	审核日期	26.4.23		

Product Quality Inspection Report

Product name	S51280	Specification model	51V280Ah	Quantity	65 Set(s)
Order NO.	AME-VN-2026040701		Ship address	VN	
Inspection Product	GB/T2828.1-2012 Normal check one Sampling scheme IL= II GB/T36276-2023				
Inspection items	Inspection standard	Measured values		Result	
Outside	Neat in appearance, no deformation, no scratch	Meet the technical standard		ok	
Mark	Technical document requirements	Meet the technical standard		ok	
Charge and discharge interface polarity	Technical document requirements	Meet the technical standard		ok	
Over discharge protection	Corporate standards	Meet the technical standard		ok	
Charge protection	Corporate standards	Meet the technical standard		ok	
Functions of BMS	Corporate standards	Meet the technical standard		ok	
Consistency of the battery	Corporate standards	Meet the technical standard		ok	
Size	850mm*505mm*416mm	Meet the technical standard		ok	
Weight	≤110kg	109.2 - 109.4kg		ok	
Insulation value	>500MΩ	500.2 - 500.6MΩ		ok	
Discharge capacity	≥280Ah	281.2 - 281.6Ah		ok	
Factory capacity	30+3%SOC	31.2 - 31.4%		ok	
Single cell	>3.2V	3.3V		ok	
Dropout voltage	<15mv	8mv - 9mv		ok	
Voltage	≥51V	51.2 - 51.4V		ok	
Inspection conclusion:					
This product has been tested and proved to be qualified for delivery.					
Surveyor	Anna Li	QC	Date	26.4.23	
Auditor	fu	PASS	Date	26.4.23	

订单号: AME-VN-20260407001

产品型号: S51280

产品数量: 65pcs

箱号	产品 ID	箱号	产品 ID
13--1	0450003422604190127	13--8	0450003422604180144
	0450003422604180145		0450003422604190117
	0450003422604170193		0450003422604190115
	0450003422604170194		0450003422604190103
	0450003422604170195		0450003422604190120
13--2	0450003422604190128	13--9	0450003422604170110
	0450003422604190119		0450003422604190105
	0450003422604190102		0450003422604190106
	0450003422604190099		0450003422604190110
	0450003422604190097		0450003422604190109
13--3	0450003422604170141	13--10	0350003422603300025
	0450003422604190123		0450003422604190122
	0450003422604190124		0450003422604190121
	0450003422604190126		0450003422604190047
	0450003422604190125		0450003422604190046
13--4	0450003422604190048	13--11	0450003422604180040
	0450003422604190045		0450003422604190107
	0450003422604170139		0450003422604190108
	0450003422604170138		0450003422604190111
	0450003422604170137		0450003422604190112
13--5	0450003422604190044	13--12	0450003422604190118
	0450003422604190104		0450003422604220004
	0450003422604190101		0450003422604220007
	0450003422604190098		0450003422604220008
	0450003422604190100		0450003422604220015
13--6	0450003422604170143	13--13	0450003422604220016
	0450003422604190042		0450003422604220017
	0450003422604190041		0450003422604220043
	0450003422604190116		0450003422604220044
	0450003422604190043		0450003422604220048
13--7	0450003422604170142		
	0450003422604170136		
	0450003422604170140		
	0450003422604190114		
	0450003422604190113		



产品质量检验报告

产品名称	SBDU200	规格型号	STACK280
产品等级	A 级	数 量	14 组
订单号	AME-VN-2026040701	发货地区	越南
检验方案	GB/T2828.1-2012 正常检查一次抽样方案 IL=II		
产品标准	GB/T36276-2023 电力储能用锂离子电池		
检验项目	检 验 标 准	检 测 值	检 验 结 果
外 观	外观整洁, 无变形, 无划伤	符合技术标准	合格
标 识	符合工艺文件要求	符合技术标准	合格
充放电接口极性	符合工艺图纸要求	符合技术标准	合格
过放电保护	符合企业标准	符合技术标准	合格
充电保护	符合企业标准	符合技术标准	合格
管理系统功能 (除温度精度)	符合企业标准	符合技术标准	合格
尺 寸	845mm*500mm*358mm ±3mm	符合技术标准	合格
重 量	≤40Kg	39.2-39.4kg	合格
绝缘值	> 500MΩ	500.2-500.6MΩ	合格
检验结论: 本产品经检验合格, 准予出厂。			
检验员	李慧红	检验日期	26.4.25
审核人	唐娟	审核日期	26.4.25

Product Quality Inspection Report

Product name	SBDU200	Specification model	STACK280
Product rank	A	Quantity	1/4 set
Order NO.	AME-VN-2026040701	Ship address	VN
Inspection mode	GB/T2828.1-2012 Normal check one Sampling scheme IL= II		
Product standard	GB/T36276-2023		
Inspection items	Inspection standard	Measured values	Result
Outside	Neat in appearance, no deformation, no scratch	Meet the technical standard	ok
Mark	Technical document requirements	Meet the technical standard	ok
Charge and discharge interface polarity	Technical document requirements	Meet the technical standard	ok
Over discharge protection	Corporate standards	Meet the technical standard	ok
Charge protection	Corporate standards	Meet the technical standard	ok
Functions of BMS	Corporate standards	Meet the technical standard	ok
Consistency of the battery	Corporate standards	Meet the technical standard	ok
Size	845mm*500mm*358mm	Meet the technical standard	ok
Weight	≤40Kg	39.2-39.4kg	ok
Insulation value	>500MΩ	500.2-500.6MΩ	ok
Inspection conclusion:			
This product has been tested and proved to be qualified for delivery.			
Surveyor	Anna Li	Date	26.4.25
Auditor	fu	Date	26.4.25

订单号:AME-VN-20260407001

产品型号: SBDU200

产品数量: 14pcs

箱号	产品 ID
1--1	0352100022604210047
	0352100022604190025
	0352100022604220001
	0352100022604230003
	0352100022604220037
	0352100022604220003
	0352100022604230008
	0352100022604230010
	0352100022604230002
	0352100022604230011
	0352100022604190034
	0352100022604190035
	0352100022604190037
	0352100022604190036

